

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14 - 36
8. Phụ lục	37 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên Becamex IDC) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4603000041 ngày 26 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lại và hoạt động theo mã số doanh nghiệp số 3700413826.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty đầu tư và phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên) (do bà Bùi Thị Lan làm đại diện)	121.400.000.000	60,70%
Ông Nguyễn Tấn Lợi	870.000.000	0,44%
Ông Lê Minh Tâm	1.084.000.000	0,54%
Ông Đoàn Văn Thuận	2.136.000.000	1,07%
Bà Lê Thị Diệu Thanh	870.000.000	0,44%
Các cổ đông khác	73.640.000.000	36,81%
Cộng	200.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0650) 2220 666 – 2220 677

Fax : (0650) 2220 678

Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp xây dựng - TDC	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	138F Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng giao dịch Bất động sản	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Chánh Phú Hòa	Đường DT741, xã Chánh Phú Hòa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	73 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - sân giao dịch Bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hoạt động chính của Công ty là

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (không độc hại mạnh), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sân giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Đầu tư tài chính;
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao.
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 75/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty (mã: TDC) chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do khoản chiết khấu nhận được từ Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên do thanh toán trước hạn với số tiền là 52.840.425.000 VND (thuyết minh số VI.3).



Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quán Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Tỵ	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hường Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0230/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2011, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.544.742.123.202	886.606.044.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.670.003.078	112.210.442.287
1. Tiền	111		12.670.003.078	9.734.351.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	102.476.090.492
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		111.075.216.070	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	112.226.355.520	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.151.139.450)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		588.801.052.223	375.432.229.073
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	165.455.841.347	161.472.252.325
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	406.613.533.480	209.165.853.638
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	19.236.486.443	5.132.979.579
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2.504.809.047)	(338.856.469)
IV. Hàng tồn kho	140		772.114.350.502	390.881.812.203
1. Hàng tồn kho	141	V.8	772.114.350.502	390.891.374.280
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(9.562.077)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.081.501.329	8.081.561.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.952.248	19.778.435
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.985.468.215	1.895.920.686
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8.042.080.866	6.165.861.897

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.333.998.989	110.933.634.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		81.875.178.366	64.043.179.489
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	69.083.323.968	54.653.905.504
<i>Nguyên giá</i>	222		101.720.640.041	76.817.365.904
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.637.316.073)	(22.163.460.400)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	11.461.533.636	8.844.359.983
<i>Nguyên giá</i>	228		12.074.484.886	9.250.412.886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(612.951.250)	(406.052.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1.330.320.762	544.914.002
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	2.115.834.145	2.301.162.685
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(293.436.855)	(108.108.315)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		51.560.910.000	39.114.109.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	27.900.910.000	16.995.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	23.660.000.000	22.118.199.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.782.076.478	5.475.182.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.475.825.029	1.912.661.115
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	3.585.706.649	3.232.610.656
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	720.544.800	329.911.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.686.076.122.191	997.539.678.726

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.334.990.391.354	727.740.858.215
I. Nợ ngắn hạn	310		1.184.568.008.541	727.272.387.386
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	597.393.183.131	70.271.117.062
2. Phải trả người bán	312	V.20	91.925.952.987	75.753.736.372
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	282.337.113.571	361.509.398.958
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	9.634.544.914	7.129.368.407
5. Phải trả người lao động	315	V.23	1.810.636.890	1.540.595.420
6. Chi phí phải trả	316	V.24	12.177.973.794	10.759.433.173
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	166.475.837.730	179.569.173.537
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	11.328.596.313	12.555.601.182
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	11.484.169.211	8.183.963.275
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		150.422.382.813	468.470.829
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	150.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	422.382.813	468.470.829
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		351.085.730.837	269.798.820.511
I. Vốn chủ sở hữu	410		351.085.730.837	269.798.820.511
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	2.062.223.840	2.062.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.30	4.812.860.786	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	(439.592.214)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	28.675.831.702	19.050.110.130
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	13.710.055.862	8.897.195.076
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	102.264.350.861	39.789.291.465
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.686.076.122.191	997.539.678.726

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP


Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	625.521.650.821	545.879.359.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	13.014.561.840	2.208.008.658
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	612.507.088.981	543.671.350.997
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	516.042.038.954	446.877.702.642
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.465.050.027	96.793.648.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	71.977.016.721	8.322.105.573
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.788.100.050	4.334.842.195
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.684.391.598	4.136.786.359
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	34.401.281.354	14.423.370.950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.304.659.838	16.653.397.119
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96.948.025.506	69.704.143.664
11. Thu nhập khác	31	VI.7	27.283.226.659	26.254.281.371
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.109.867.921	3.333.415.933
13. Lợi nhuận khác	40		26.173.358.738	22.920.865.438
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123.121.384.244	92.625.009.102
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	30.659.683.967	19.489.790.948
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	(353.095.993)	2.893.421.952
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>92.814.796.270</u>	<u>70.241.796.202</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4.641</u>	<u>6.911</u>

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		123.121.384.244	92.625.009.102
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11; V.13	11.983.756.484	10.363.450.371
- Các khoản dự phòng	03		3.307.529.951	(2.375.068.500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.13; VI.7; VI.8	(6.757.565.796)	(9.342.306.175)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.684.391.598	4.136.786.359
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		142.339.496.481	95.407.871.157
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(245.518.924.560)	(66.762.073.733)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(371.247.226.222)	(9.480.589.745)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(72.304.031.658)	(31.054.317.578)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		402.662.273	(579.100.353)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.684.391.598)	(4.136.786.359)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(30.156.037.669)	(23.151.408.572)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.27	(7.788.087.793)	(4.104.392.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(594.956.540.746)	(43.860.798.181)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(30.570.012.417)	(25.137.122.834)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.772.727.278	4.601.740.259
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(126.545.000.000)	(10.360.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.984.424.114	7.787.491.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(150.357.861.025)	(23.107.891.203)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	100.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19; V.28	946.005.301.141	174.823.056.504
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(268.883.235.072)	(145.853.328.227)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(11.348.103.507)	(23.661.612.219)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		665.773.962.562	105.308.116.058
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(79.540.439.209)	38.339.426.674
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	112.210.442.287	73.871.015.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.670.003.078	112.210.442.287

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



20
:ÔN
KHII
ỀM T
TƯ
TP.F

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 422 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 369 nhân viên).

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 75/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty (mã: TDC) chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do khoản chiết khấu nhận được từ Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên do thanh toán trước hạn với số tiền là 52.840.425.000 VND (thuyết minh số VI.3).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	377.636.739	218.390.895
Tiền gửi ngân hàng	12.292.366.339	9.515.960.900
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	102.476.090.492
Cộng	<u>32.670.003.078</u>	<u>112.210.442.287</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		12.226.355.520		-
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	261.409	3.305.620.570		-
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	107.039	2.341.702.950		-
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (LJC)	80.000	1.657.642.000		-
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	445.916	4.921.390.000		-
Đầu tư ngắn hạn khác		100.000.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm (*)		<u>100.000.000.000</u>		-
Cộng		<u>112.226.355.520</u>		-

(*) Trong đó, khoản cầm cố với giá trị là 50.000.000.000 VND của hợp đồng tiết kiệm số 01/HĐTĐ ngày 12 tháng 8 năm 2010 bổ sung vào tài sản đảm bảo để vay ngắn hạn tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Bình Dương theo hợp đồng cầm cố số 02/83520/HĐCC ngày 21 tháng 12 năm 2010.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	96.186.860.993	91.134.208.993
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	69.268.980.354	70.338.043.332
Cộng	<u>165.455.841.347</u>	<u>161.472.252.325</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	402.285.929.794	207.886.807.518
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	4.327.603.686	1.279.046.120
Cộng	<u>406.613.533.480</u>	<u>209.165.853.638</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	3.210.000.000	403.004.990
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	10.513.125.858	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.137.653.539	214.611.745
Cổ tức phải thu	940.000.000	1.594.909.000
Phải thu Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	342.392.885	342.392.885
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	805.675.269	517.750.309
Các khoản phải thu khác	1.287.638.892	2.060.310.650
Cộng	<u>19.236.486.443</u>	<u>5.132.979.579</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.560.925.355	157.596.850
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	90.344.709	50.165.779
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	61.200.178	131.093.840
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	792.338.806	-
Cộng	<u>2.504.809.047</u>	<u>338.856.469</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	338.856.469
Trích lập dự phòng bổ sung	2.165.952.578
Số cuối năm	<u>2.504.809.047</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.557.840.496	4.958.463.550
Công cụ dụng cụ	162.721.546	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	711.829.404.647	351.928.482.894
Thành phẩm	2.074.799.388	779.819.804
Hàng hóa	52.481.102.525	33.224.608.032
Hàng gửi bán	8.481.900	-
Cộng	<u>772.114.350.502</u>	<u>390.891.374.280</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.921.843.168	6.165.861.897
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.120.237.698	-
Cộng	<u>8.042.080.866</u>	<u>6.165.861.897</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.412.471.788	13.783.966.508	52.241.905.609	1.295.760.914	83.261.085	76.817.365.904
Mua sắm mới	36.220.000	-	24.830.049.267	441.442.636	-	25.307.711.903
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.356.019.664	-	296.802.090	-	-	1.652.821.754
Thanh lý, nhượng bán	-	(85.350.560)	(1.821.726.665)	(150.182.295)	-	(2.057.259.520)
Số cuối năm	10.804.711.452	13.698.615.948	75.547.030.301	1.587.021.255	83.261.085	101.720.640.041
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.086.000	198.162.160	2.114.096.236	316.265.781	83.261.085	2.726.871.262
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.010.487.956	2.965.900.244	16.251.761.823	872.696.741	62.613.636	22.163.460.400
Khấu hao trong năm	1.214.224.222	1.490.143.188	8.563.747.599	302.767.139	20.647.449	11.591.529.597
Thanh lý, nhượng bán	-	(55.615.552)	(917.537.899)	(144.520.473)	-	(1.117.673.924)
Số cuối năm	3.224.712.178	4.400.427.880	23.897.971.523	1.030.943.407	83.261.085	32.637.316.073
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.401.983.832	10.818.066.264	35.990.143.786	423.064.173	20.647.449	54.653.905.504
Số cuối năm	7.579.999.274	9.298.188.068	51.649.058.778	556.077.848	-	69.083.323.968
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.283.707.886 VND và 56.405.463.627 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.142.857.143	107.555.743	9.250.412.886
Mua sắm mới	2.824.072.000	-	2.824.072.000
Số cuối năm	11.966.929.143	107.555.743	12.074.484.886
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	322.398.423	83.654.480	406.052.903
Khấu hao trong năm	182.997.084	23.901.263	206.898.347
Số cuối năm	505.395.507	107.555.743	612.951.250

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.820.458.720	23.901.263	8.844.359.983
Số cuối năm	11.461.533.636	-	11.461.533.636
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	78.906.757	29.053.964.177	(28.131.783.903)	1.001.087.031
XDCB dở dang	466.007.245	1.516.048.240	(1.652.821.754)	329.233.731
Cộng	544.914.002	30.570.012.417	(29.784.605.657)	1.330.320.762

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.409.271.000	108.108.315	2.301.162.685
Tăng trong năm	-	185.328.540	
Số cuối năm	2.409.271.000	293.436.855	2.115.834.145

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty TNHH Sinviet ^(a)		2.235.910.000	-	2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ^(b)	440.000	4.400.000.000	440.000	4.400.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ ^(c)		3.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt ^(d)	86.500	865.000.000	36.000	360.000.000
Công ty cổ phần cửa Nam Âu ^(e)	300.000	3.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Trường đại học quốc tế Miền Đông ^(f)		14.400.000.000		-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1		-	700.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		-	100.000	1.000.000.000
Cộng		27.900.910.000		16.995.910.000

(a) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602001658 ngày 21 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thành Mỹ với số vốn là 8.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt với số vốn là 2.400.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 865.000.000 VND, tương đương 36,05% vốn điều lệ (số đầu năm là 360.000.000 VND, tương đương 36,05% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt là 1.535.000.000 VND.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 ngày 6 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa Nam Âu với số vốn là 3.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (f) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Trường đại học quốc tế Miền Đông với số vốn là 14.400.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	100.000	1.000.000.000		-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000		-
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BML)		-	537.109	5.908.199.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)		-	700.000	8.190.000.000
Cộng		23.660.000.000		22.118.199.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước: tăng do chuyển từ khoản đầu tư công ty liên doanh, liên kết sang.
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1: tăng do đầu tư thêm.
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex: giảm do chuyển sang khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.
- Công ty cổ phần bê tông Becamex: giảm do chuyển sang khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	750.198.655	1.473.464.543	(1.488.854.098)	-	734.809.100
Chi phí thuê văn phòng	444.888.006	1.084.540.800	(1.077.728.806)	(167.300.000)	284.400.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	717.574.454	383.765.728	(644.724.253)	-	456.615.929
Cộng	1.912.661.115	2.941.771.071	(3.211.307.157)	(167.300.000)	1.475.825.029

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.232.610.656
Số phát sinh	353.095.993
Số cuối năm	3.585.706.649

18. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	121.829.358.131	68.071.117.062
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	475.563.825.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương - Chi nhánh Bình Dương	-	2.200.000.000
Cộng	597.393.183.131	70.271.117.062

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất 10,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định và số dư tiền gửi tại ngân hàng này.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam để thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên Becamex IDC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố số dư tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam của Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên Becamex IDC.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	70.271.117.062
Số tiền vay phát sinh	796.005.301.141
Số tiền vay đã trả	(268.883.235.072)
Số cuối năm	597.393.183.131

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	62.249.644.899	56.823.042.063
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	29.676.308.088	18.930.694.309
Cộng	91.925.952.987	75.753.736.372

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	268.719.149.880	361.231.730.908
Các khoản người mua trả tiền trước khác	13.617.963.691	277.668.050
Cộng	<u>282.337.113.571</u>	<u>361.509.398.958</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	11.790.713.181	(11.790.713.181)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.105.612.082	30.659.683.967	(30.156.037.669)	7.609.258.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.923.041.794	-	1.923.041.794
Thuế thu nhập cá nhân	23.756.325	424.804.970	(346.316.555)	102.244.740
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	524.566.000	(524.566.000)	-
Cộng	<u>7.129.368.407</u>	<u>45.333.809.912</u>	<u>(42.828.633.405)</u>	<u>9.634.544.914</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.121.384.244	92.625.009.102
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	992.062.351	462.751.495
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.474.710.728)	(15.128.596.806)
Thu nhập tính thuế	122.638.735.867	77.959.163.791
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>30.659.683.967</u>	<u>19.489.790.948</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 phải trả.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay tạm tính	9.975.750.000	-
Trích trước chi phí công trình	2.202.223.794	10.752.233.173
Chi phí khác	-	7.200.000
Cộng	<u>12.177.973.794</u>	<u>10.759.433.173</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	76.475.831	160.782.119
Cổ tức phải trả	105.682.124	11.453.785.631
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	149.025.289.000	155.706.988.900
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	15.338.917.800	245.167.500
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	640.000.000	7.480.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	494.854.358	550.350
Các khoản phải trả phải nộp khác	794.618.617	4.521.899.037
Cộng	<u>166.475.837.730</u>	<u>179.569.173.537</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	12.555.601.182
Tăng do trích lập	11.371.695.393
Số đã sử dụng	(1.431.998.799)
Số hoàn nhập	(11.166.701.463)
Số cuối năm	<u>11.328.596.313</u>

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	6.381.340.463	8.663.149.415	(6.352.527.793)	8.691.962.085
Quỹ phúc lợi	1.302.622.812	962.572.157	(935.560.000)	1.329.634.969
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	500.000.000	1.462.572.157	(500.000.000)	1.462.572.157
Cộng	<u>8.183.963.275</u>	<u>11.088.293.729</u>	<u>(7.788.087.793)</u>	<u>11.484.169.211</u>

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Trên 01 năm đến 05 năm	150.000.000.000
Tổng nợ	150.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	150.000.000.000
Số cuối năm	150.000.000.000

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	468.470.829
Số đã chi	(46.088.016)
Số cuối năm	422.382.813

30. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm trang 37.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (30% mệnh giá)	11.348.103.507
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	11.348.103.507

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	625.521.650.821	545.879.359.655
- Doanh thu bán thành phẩm	234.914.980.665	192.479.366.911
- Doanh thu xây dựng dự án	228.040.060.916	241.997.595.015
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	154.543.359.614	108.311.158.443
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.023.249.626	-
- Doanh thu khác	-	3.091.239.286
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(13.014.561.840)	(2.208.008.658)
- Hàng bán bị trả lại	(13.014.561.840)	(2.208.008.658)
Doanh thu thuần	<u>612.507.088.981</u>	<u>543.671.350.997</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần thành phẩm	234.914.980.665	192.479.366.911
- Doanh thu xây dựng dự án	215.025.499.076	239.789.586.357
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	154.543.359.614	108.311.158.443
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.023.249.626	-
- Doanh thu khác	-	3.091.239.286

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽¹⁾	218.242.189.672	174.926.677.844
Giá vốn xây dựng dự án	155.728.843.835	171.327.413.763
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	141.850.049.608	101.257.754.948
Giá vốn khác	230.517.916	1.890.172.754
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.562.077)	(2.524.316.667)
Cộng	<u>516.042.038.954</u>	<u>446.877.702.642</u>

⁽¹⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	181.066.775.546	139.191.397.689
Chi nhân công trực tiếp	4.681.386.878	5.640.389.709
Chi phí sản xuất chung	44.735.980.654	38.824.632.558
Tổng chi phí sản xuất	230.484.143.078	183.656.419.956
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.300.898.530	747.227.739
Trừ xuất khác	(5.796.402.818)	-
Tổng giá thành sản xuất	225.988.638.790	184.403.647.695
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(1.294.979.584)	493.982.685
Nhập khác	5.470.282.847	-
Nhập xuất chuyển kho	(11.921.752.381)	(9.970.952.536)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>218.242.189.672</u>	<u>174.926.677.844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.037.329.414	4.232.582.372
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.498.441.244	464.590.497
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.887.094.700	3.554.909.000
Lãi đầu tư cổ phiếu	11.534.715.181	-
Chiết khấu thanh toán	52.840.425.000	-
Doanh thu tài chính khác	179.011.182	70.023.704
Cộng	<u>71.977.016.721</u>	<u>8.322.105.573</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.684.391.598	4.136.786.359
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.151.139.450	-
Chi phí khác	952.569.002	198.055.836
Cộng	<u>12.788.100.050</u>	<u>4.334.842.195</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.835.861.152	2.866.721.209
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.115.404.312	406.959.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.429.140.966	930.567.435
Chi phí hoa hồng môi giới	7.101.017.656	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.729.795.693	3.517.828.658
Chi phí khác	6.190.061.575	6.701.294.259
Cộng	<u>34.401.281.354</u>	<u>14.423.370.950</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.979.436.136	6.175.975.574
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	662.376.768	902.365.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.624.627.788	1.388.064.349
Chi phí dự phòng	2.165.952.578	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.544.695	954.219.895
Chi phí khác	8.911.721.873	7.232.771.353
Cộng	<u>24.304.659.838</u>	<u>16.653.397.119</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.772.727.278	4.601.740.259
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	11.166.701.458	10.790.305.751
Thành phẩm bê tông thừa	4.849.271.404	835.639.483
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	9.202.081.750	7.526.982.950
Thu từ xử lý tài sản thừa	-	1.499.436.041
Thu nhập khác	292.444.769	1.000.176.887
Cộng	<u>27.283.226.659</u>	<u>26.254.281.371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	939.585.596	3.104.649.688
Phạt vi phạm hợp đồng	165.280.880	-
Chi trả tiền đền cọc	-	221.260.000
Chi phí khác	5.001.445	7.506.245
Cộng	<u>1.109.867.921</u>	<u>3.333.415.933</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.814.796.270	70.241.796.202
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	92.814.796.270	70.241.796.202
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	10.164.384
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.641</u>	<u>6.911</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 12 năm 2009	-	164.384
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>20.000.000</u>	<u>10.164.384</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.533.810.935	197.433.528.774
Chi phí nhân công	25.266.988.201	18.033.077.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.896.586.786	10.363.450.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.424.853.592	136.058.155.075
Chi phí khác	33.154.681.256	34.967.623.339
Cộng	<u>289.276.920.770</u>	<u>396.855.834.706</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	815.000.000	638.091.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	31.025.440	26.347.160
Phụ cấp	195.000.000	140.000.000
Tiền thưởng	322.000.000	249.000.000
Cộng	1.363.025.440	1.053.438.160

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng hệ thống
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ	Công ty cùng hệ thống
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng hệ thống
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	108.546.286.345	126.361.664.834
Thu hộ tiền bán đất	5.140.176.200	170.572.504.500
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	306.079.509.544	634.475.064
Thi công công trình xây dựng	-	4.476.190.476
Các khoản khác	248.370.335	594.569.331
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	16.504.265.811	32.759.783.098
Cung cấp dịch vụ	440.334.347	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	-	5.683.914.267



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	1.116.463.306	-
<i>Công ty cổ phần cửa Nam Âu</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	7.302.431.173	-
Cung cấp dịch vụ	264.000.000	-
Mua nguyên vật liệu	2.420.370.308	-
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	8.195.952.447	-
Mua nguyên liệu	19.881.774	-
<i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i>		
Bán nguyên vật liệu	8.400.000	-
Cung cấp dịch vụ	25.797.000	-
Nhận cung cấp dịch vụ	104.524.545	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	39.541.620.994
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	175.638.722.868
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.382.916.665	15.243.856.490
<i>Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	8.849.995	3.802.799.790
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.895.457.445	308.709.814
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	270.270.058	-
<i>Công ty cổ phần cửa Nam Âu</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	7.530.474.291	-
Cộng nợ phải thu	<u>13.087.968.454</u>	<u>234.535.709.956</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển - TNHH một thành viên		
Thu hộ tiền bán đất	149.025.289.000	155.706.988.600
Phải trả tiền ứng trước mua nguyên vật liệu	12.217.102.481	-
Vay dài hạn	150.000.000.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>161.242.391.481</u>	<u>155.706.988.600</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở phụ lục 2 đính kèm từ trang 38 đến trang 40.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi số liệu trình bày Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh
			Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	7.683.963.275	500.000.000	8.183.963.275
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	500.000.000	(500.000.000)	-

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Thông tin khác

Như đã trình bày ở thuyết minh IV.17 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ là 439.592.214 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



448.
TY
HỮU
ÁN V
ÂN
5 CV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: D8 - khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	2.122.223.840	500.000.000	-	12.070.121.520	5.407.200.771	22.497.466.787	142.597.012.918
Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	70.241.796.202	70.241.796.202
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	6.979.988.610	3.489.994.305	(17.949.971.524)	(7.479.988.609)
Chi quỹ trong năm	-	(60.000.000)	(500.000.000)	-	-	-	-	(560.000.000)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	2.062.223.840	-	-	19.050.110.130	8.897.195.076	39.789.291.465	269.798.820.511
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	2.062.223.840	-	-	19.050.110.130	8.897.195.076	39.789.291.465	269.798.820.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	92.814.796.270	92.814.796.270
Phân phối các quỹ	-	-	4.812.860.786	-	9.625.721.572	4.812.860.786	(30.339.736.874)	(11.088.293.730)
Chuyển sang quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(439.592.214)	-	-	-	(439.592.214)
Số dư cuối kỳ	200.000.000.000	2.062.223.840	4.812.860.786	(439.592.214)	28.675.831.702	13.710.055.862	102.264.350.861	351.085.730.837

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.543.359.614	234.914.980.665	223.048.748.702	-	612.507.088.981
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.543.359.614	234.914.980.665	223.048.748.702	-	612.507.088.981
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.169.486.982	8.346.656.794	45.547.624.897	-	62.063.768.673
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(24.304.659.838)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					37.759.108.835
Doanh thu hoạt động tài chính					71.977.016.721
Chi phí tài chính					(12.788.100.050)
Thu nhập khác					27.283.226.659
Chi phí khác					(1.109.867.921)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(30.659.683.967)
					353.095.993
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					92.814.796.270



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>778.112.619</u>	<u>27.195.050.857</u>	<u>1.335.248.528</u>	-	<u>29.308.412.004</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>1.761.661.923</u>	<u>9.922.509.209</u>	<u>1.839.159.301</u>	-	<u>13.523.330.433</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	116.932.096.404	86.639.971.898	1.223.966.878.768	-	1.427.538.947.070
Tài sản phân bổ cho bộ phận	116.932.096.404	86.639.971.898	1.223.966.878.768	-	1.427.538.947.070
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					258.537.175.121
Tổng tài sản					1.686.076.122.191
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.739.971.654	32.101.074.624	1.248.084.275.073	-	1.322.925.321.351
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	42.739.971.654	32.101.074.624	1.248.084.275.073	-	1.322.925.321.351
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					12.065.070.003
Tổng nợ phải trả					1.334.990.391.354


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2011


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc